

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

KHU VỰC 3 - NINH BÌNH

Bản án số: 55/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 20-7-2026

V/v: Tuyên bố không công nhận quan
hệ vợ chồng.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Khắc Thái; Bà Nguyễn Thị Phương Thiệu.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu
vực 3 -Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Ninh Bình tham gia phiên tòa:

Bà Đinh Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Ninh Bình
mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 146/2026/TLST-
HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026 về việc: “Tuyên bố không công nhận quan hệ
vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2026/QĐXXST-HNGĐ
ngày 29 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 33A/2026/QĐ- HNGĐ
ngày 10 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự

Nguyên đơn: Bà Dương Thị T, sinh ngày 13/8/1969; Số CCCD: 037169008490;

Địa chỉ: Thôn X, xã G, tỉnh Ninh Bình

Bị đơn: Ông Hoàng Văn D, sinh ngày 21/8/1970; Số CCCD: 037070001752; Địa

chỉ: Thôn X, xã G, tỉnh Ninh Bình .

Các đương sự vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 5 năm 2026, bản tự khai và các biên bản hòa
giải, nguyên đơn bà Dương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và Hoàng Văn D kết hôn năm 1992, có thực hiện
việc đăng ký tại UBND xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình nay là xã G, tỉnh Ninh
Bình. Tuy nhiên hiện nay giấy đăng ký kết hôn tôi không giữ, tôi có đến xin lại

trích lục kết hôn tại UBND xã G nhưng không tìm được dữ liệu. Sau khi cưới chúng tôi chung sống với nhau tại Thôn X, xã G, tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên hai bên chỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp. Thực tế chúng tôi đã ly thân nhiều năm nay, nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và ông Hoàng Văn D.

Về con chung: Tôi và ông Hoàng Văn D có 02 con chung là các cháu Hoàng Văn M sinh năm 1993, Hoàng Việt D1 sinh năm 1998. Hiện các cháu đã trưởng thành tự lập nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Hoàng Văn D: Mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo, giấy báo, tuy nhiên ông D không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản bày tỏ ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại Biên bản làm việc với Ủy ban nhân dân (UBND) xã G ngày 26/6/2026, Ủy ban xác nhận như sau: Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã G hiện tại thì tại Ủy ban không còn lưu trữ được sổ hộ tịch đăng ký kết hôn năm 1992. Ủy ban nhân dân xã G xác nhận: Bà T và ông D sinh sống cùng nhau tại Thôn X, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình nay là Thôn X, xã G, tỉnh Ninh Bình từ năm 1992 cho đến nay. Về mâu thuẫn vợ chồng thì ủy ban không nắm được chi tiết. Về con chung: Bà Dương Thị T và ông Hoàng Văn D có 02 con chung là các cháu Hoàng Văn M sinh năm 1993, Hoàng Việt D1 sinh năm 1998. Về tài sản chung: Bà T và ông D có nhà đất riêng tại địa phương tuy nhiên do đương sự không có yêu cầu nên ủy ban không có ý kiến.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 3-Ninh Bình đã tiến hành giải quyết theo quy định.

Tại đơn xin xử vắng mặt, bà T vẫn giữ quan điểm như đơn khởi kiện và bản tự khai là đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Hoàng Văn D.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Do bị đơn có nơi cư trú tại xã G, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Ninh Bình thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp*: Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.
- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử*: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.
- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát*: Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ*: Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.
- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án*: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.
- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng*: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

Đề nghị HĐXX: Căn cứ điều điều 5, 147, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, điều 14, điều 15, khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu khởi kiện của bà [Dương Thị T](#). Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà [Dương Thị T](#) và ông [Hoàng Văn D](#).
2. Về án phí ly hôn: Bà [Dương Thị T](#) phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại [xã G, tỉnh Ninh Bình](#) nên Tòa án nhân dân Khu vực 3-Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2]. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về hôn nhân: Bà [Dương Thị T](#) và ông [Hoàng Văn D](#) về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, bà [T](#) thừa nhận có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại [UBND xã G](#) nay là [xã G, tỉnh Ninh Bình](#), tuy nhiên đến nay Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn bà không còn giữ được. Mặt khác qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại [Ủy ban nhân dân xã G](#) hiện tại thì Ủy ban không còn lưu trữ được sổ hộ tịch đăng ký kết hôn năm 1992. Như vậy bà [T](#) và ông [D](#) sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là trái quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà [T](#) yêu cầu Tuyên bố không công nhận vợ chồng với ông [D](#) là phù hợp với quy định tại Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: Bà [T](#) và ông [D](#) 02 con chung là anh [Hoàng Văn M](#) sinh năm 1993, [Hoàng Việt D1](#) sinh năm 1998, hiện cả hai con chung đã trưởng thành, tự lập nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà [Dương Thị T](#) phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà [Dương Thị T](#).

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Dương Thị T và ông Hoàng Văn D.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị T phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 3916 ngày 27/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án.

Nơi nhận:	T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
- Các đương sự;	Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
- TAND tỉnh Ninh Bình;	
- VKSND Khu vực 3 – Ninh Bình;	
- Thi hành án DS tỉnh Ninh Bình;	
- UBND xã Gia Lâm	
- Lưu hồ sơ vụ án.	
	Nguyễn Thị Hương Quỳnh